TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 313/2023/DS-PT Ngày: 29/5/2023 V/v tranh chấp: "Yêu cầu mở lối đi qua BĐS liền kề".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Ái Đoan**

Các Thẩm phán: Bà **Trương Thị Tuyết Linh**

Ông **Trần Văn Đạt**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Thúy Phương** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà **Phan Thị Thanh Xuân** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 463/2022/TLPT-DS ngày 06 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp "Yêu cầu mở lối đi qua bất động sản liền kề".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 235/2022/DS-ST ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 80/2023/QĐ-PT ngày 30 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1966 (Có mặt);

2. Ông Nguyễn Hữu T1, sinh năm 1980 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp F, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: Ông Lê Văn N, sinh năm 1973 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp F, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Dương Thị Đ, sinh năm 1965 (Có mặt);

2. Bà Cao Thị Mỹ P, sinh năm 1979(Có mặt);

3. Bà Nguyễn Thị Bé H, sinh năm 1980 (Có mặt);

4. Chị Lê Thị Cẩm T2, sinh năm 2002 (Vắng mặt);

5. Anh Lê Văn Hoài P1, sinh năm 2004 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp F, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- ***Người kháng cáo****: Bị đơn Lê Văn N.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn ông T, ông T1 trình bày: Các ông có quyền sử dụng đối với các thửa đất như sau:

Thửa đất số 127, tờ bản đồ số 07, diện tích 594,8m^2, tại ấp F, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 02/12/2019 cho ông Nguyễn Văn T.

Thửa đất số 404, tờ bản đồ số 07, diện tích 1.055,1m^2, thửa đất số 406, tờ bản đồ số 07, diện tích 752,1m^2 và thửa đất số 408, tờ bản đồ số 07, diện tích 1.355,1m^2, tại ấp F, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 02 và ngày 03/12/2019 cho ông Nguyễn Hữu T1.

Do vị trí tự nhiên nên các thửa đất của các ông bị bao vây bởi các thửa đất khác, trong đó có thửa đất số 110, tờ bản đồ số 07 của ông Lê Văn N và con kênh công cộng. Trước đây các thửa đất của các ông trồng lúa nên các ông đi theo lối mòn cặp con kênh công cộng để đi vào đất của các ông. Nay các thửa đất của các ông trồng cây ăn trái, để thuận tiện cho việc đi lại từ đường công cộng vào vườn thì các ông phải đi qua thửa đất số 110 của ông N. Đây là lối đi duy nhất và thuận tiện nhất của các ông, ngoài lối đi này ra, gia đình các ông không còn bất kỳ lối đi nào khác để vào đất vườn.

Hiện nay, ông N đã kéo hàng rào lưới B40 bít lối đi, các ông đã nhiều lần yêu cầu ông N tháo dỡ lưới B40, để tạo điều kiện cho các ông đi ra đường công cộng, đồng thời các ông hỗ trợ cho ông N kéo lại hàng rào, nhưng ông N không đồng ý nên xảy ra tranh chấp.

Ngày 01/3/2020 và ngày 03/7/2020, Tổ hòa giải ấp 6 và Ủy ban nhân dân xã P, huyện C tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Vì vậy, các ông yêu cầu hộ ông N mở một lối đi theo sơ đồ đo đạc thực tế có diện tích 29,8m^2, nằm trong thửa đất số 110, tờ bản đồ số 07, diện tích 810m^2, tại ấp F, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang, do ông Lê Văn N đại diện hộ đứng tên quyền sử dụng, để cho gia đình của các ông đi ra đường công cộng. Các ông đồng ý đền bù giá trị đất cho hộ ông N theo biên bản định giá ngày 08/12/2021 và giá trị cây trồng tại thời điểm giao đất, nếu trên đất có cây trồng.

Bị đơn ông Lê Văn N trình bày: Thửa đất số 110, tờ bản đồ số 07, diện tích 810m^2 và thửa đất số 125, tờ bản đồ số 07, diện tích 743,2m^2, tại ấp F, xã P,

huyện C, tỉnh Tiền Giang nằm liền kề nhau, có chung một hàng rào, có đường nước ở giữa để tưới tiêu chung, đường nước có là do hai bên canh tác đào, hiện đường nước phía ngoài đã san lắp đặt ống bọng, nếu mở cho ông T, ông T1 làm lối đi thì đất vườn của ông sẽ bị chia cắt làm hai, ảnh hưởng đến việc tưới tiêu, trước đây ông T, ông T1 đi trên bờ ranh giữa đất của ông với đất của ông Bùi Văn L và Bùi Xuân H1. Do đó, ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bé H trình bày: Thống nhất với lời trình bày của ông N. Bà cũng không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì trước đây ông T, ông T1 đi trên bờ ranh giữa đất của ông N với đất của ông Bùi Văn L và Bùi Xuân H1.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 235/2022/DS-ST ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng Điều 254, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; các điều 171 và 203 của Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Hữu T1.

2. Buộc ông Lê Văn N và các thành viên trong hộ gồm bà Nguyễn Thị Bé H, chị Lê Thị Cẩm T2 và anh Lê Văn H2 P1 mở một lối đi diện tích 41,6m^2, nằm trong thửa đất số 110, tờ bản đồ số 07, diện tích 810m^2, tại ấp F, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang, do ông Lê Văn N đại diện hộ đứng tên quyền sử dụng, cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Hữu T1 sử dụng để đi ra đường công cộng (có sơ đồ kèm theo). Phần lối đi diện tích 41,6m^2, có tứ cận như sau:

- Phía Đông: Giáp đất còn lại của ông Lê Văn N dài 21,31m;

- Phía Tây: Giáp kênh đã san lắp dài 23,65m;

- Phía Nam: Giáp đất của ông Nguyễn Văn T dài 4,26m;

- Phía Bắc: Giáp với đường bê tông dài 2,02m và kênh đã san lắp dài 4,34m.

3. Ghi nhận ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Hữu T1 tự nguyện đền bù cho hộ ông Lê Văn N giá trị phần đất mở lối đi, số tiền 8.569.600 đồng và giá trị cây trồng trên phần đất mở lối đi tại thời điểm giao đất, nếu trên đất mở lối đi có cây trồng.

4. Hai bên thực hiện cùng lúc việc mở lối đi, thanh toán tiền đền bù giá trị phần đất mở lối đi và giá trị cây trồng trên phần đất mở lối đi tại thời điểm giao đất, nếu trên đất mở lối đi có cây trồng.

5. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chậm thi hành, thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 24/10/2022 bị đơn Lê Văn N có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu Tòa án phúc thẩm sửa lại toàn bộ bản án sơ thẩm số 235/2022/DS - ST ngày 11/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc gia đình ông phải mở lối đi diện tích 29,8 m^2 nằm trong thửa đất số 110, tờ bản đồ số 07, diện tích 810 m^2 tại ấp F, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang do ông đại diện hộ gia đình đứng tên.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 22 tháng 3 năm 2023 ông N đồng ý mở lối đi cho ông T và ông T1 ở hướng Đông thửa 110, chiều ngang là 0,5m, chiều dài hết thửa 110 và phía nguyên đơn là ông T và ông T1 cũng đồng ý mở lối đi ở hướng Đông của thửa 110 nhưng với chiều ngang là 2m.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 29 tháng 5 năm 2023 bị đơn ông N thay đổi yêu cầu kháng cáo, không đồng ý mở lối đi cho ông T và ông N vì đất của ông N có diện tích nhỏ và ông T, ông T1 có đường đi khác. Nguyên đơn ông T và ông T1 đồng ý mở đường đi ở hướng Đông thửa 110 với chiều ngang là 1,5m, chiều dài hết thửa 110. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tại phiên tòa phúc thẩm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Các đương sự cũng chấp hành theo đúng quy định của pháp luật về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của các đương sử.

- Về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn N: Theo biên bản xác minh ngày 31/3/2023, trước đây lối đi của các nguyên đơn vào các thửa đất của các nguyên đơn là lối đi giữa đất ông N, ông L và bà H1. Ông T và ông T1 không có lối đi nào khác. Hiện nay ông T và ông T1 đi nhờ qua ba gia đình là Nguyễn Văn Ú, Cao Văn V và bà L1 chiều dài hơn 100m mới ra đường công cộng. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm mở lối đi về hướng Đông thửa 110.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn N lời trình

bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp "Yêu cầu mở lối đi qua bất động sản liền kề" là đúng với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 14 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét đơn kháng cáo và biên lai thu tạm ứng án phí phúc thẩm do bị đơn Lê Văn N nộp còn trong thời hạn và hợp lệ, đúng với quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[3] Về thủ tục đo đạc, định giá và xem xét thẩm định tại chỗ: Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 22 tháng 3 năm 2023 nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất sẽ mở lối đi ở hướng Đông thửa đất 110, hai bên đương sự chỉ tranh chấp về chiều ngang của lối đi. Hai bên đương sự đều thống nhất đo đạc, định giá và xem xét thẩm định lại để có căn cứ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện lại thủ tục tố tụng về đo đạc, định giá và xem xét thẩm định lại.

[4] Về nội dung vụ án và xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Lê Văn N:

Ông T và ông T1 yêu cầu ông N mở lối đi chiều ngang 1,5m, chiều dài hết thửa đất số 110, tờ bản đồ số 7, diện tích 810,0 m^2, địa chỉ thửa đất ấp F, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang, UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê Văn N vào ngày 04/6/2007, vị trí lối đi nằm ở hướng Tây thửa 110.

Nguyên đơn đơn ông Nguyễn Văn T được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 127, tờ bản đồ số 07, diện tích 594,8 m^2, địa chỉ thửa đất ấp F, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 02/12/2019.

Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T1 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với: Thửa đất 404, tờ bản đồ số 07, diện tích 1055,1m^2 vào ngày 03 tháng 12 năm 2019; Thửa đất 406, tờ bản đồ số 07, diện tích 752,1m^2 vào ngày 03 tháng 12 năm 2019; Thửa đất 408, tờ bản đồ số 07, diện tích 1355,1m^2 ngày 02 tháng 12 năm 2019.

Quá trình sử dụng đường đi đang tranh chấp: Thửa đất 110 của ông N giáp đường đi công cộng. Thửa đất 127 của ông T giáp ranh phía trong của ông N, ba thửa đất số 404, 406, 408 của ông T1 giáp ranh với thửa đất 127 của ông T. Trước đây, đây là đất ruộng đi vào các thửa đất của ông T và ông N là đi bờ ranh ruộng nằm ở hướng Đông, giữa thửa đất 110 của ông N với thửa đất 109 của ông Bùi Văn L và thửa 137 của Bùi Xuân H1. Sau đó lên vườn nên bờ ranh

ruộng không còn, ông N đã rào lại phân nửa bờ ranh ruộng, phần còn lại thì ông L và bà Hiệp r. Khi khởi kiện tại Tòa sơ thẩm ông T và ông N yêu cầu ông N mở lối đi tại vị trí hướng Tây của thửa 110. Ông T không đồng ý vì sẽ cắt đất ông ra làm hai. Khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết ông N cũng không hợp tác để làm các thủ tục đo đạc, định giá để giải quyết tranh chấp.

Nhận thấy theo bản đồ địa chính khu đất ngày 13 tháng 1 năm 2022, thì ông N có hai thửa đất gồm thửa 110 và thửa 125, giữa hai thửa đất này là kênh đã san lấp chưa cấp quyền sử dụng đất cho ai nhưng ông N là người đang sử dụng phần đất kênh đã san lấp này. Ông T và ông T1 khởi kiện yêu cầu ông N mở đường đi phía Tây thửa 110 giáp với phần kênh đã san lấp và Tòa sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T và ông T1 buộc hộ ông N mở lối đi có diện tích là 41,6m^2. Ông N không đồng ý nên kháng cáo.

Ông N có đơn đề nghị ngày 20 tháng 3 năm 2023 trình bày: ông không đồng ý mở lối đi cho ông T ở giữa đất vì sẽ cắt đất ông ra làm hai. Nếu có mở lối đi, ông N chỉ đồng ý mờ lối đi cũ trước đây giáp ranh với Bùi Xuân H1. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 22 tháng 3 năm 2023 ông N đồng ý mở lối đi có chiều ngang 0,5m, chiều dài hết thửa 110 phần giáp ranh với Bùi Văn L và Bùi Xuân H1. Ông T và ông N cũng đồng ý nhưng yêu cầu chiều ngang là 1,5 m.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 29 tháng 5 năm 2023 ông N không đồng ý mở lối đi cho ông T và ông T1 vì lối đi trước kia nằm giữa ranh đất giữa ông N và ông L và bà H1, ngoài ra ông T và ông T1 cũng có lối đi khác.

Theo biên bản xác minh ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang thì ông Phạm Văn N1 là cán bộ địa chính xã, ông Nguyễn Văn T và ông Lê Văn N cho biết: Trước đây, vùng đất này là ruộng, ông T và ông N đi cặp ranh đất thửa 110 bề ngang 3 tấc và phần đất giáp ranh với đất ông Bùi Xuân L2 và Bùi Xuân H1. Lối đi này hiện nay ông N rào phân nửa, ông L2 làm cổng rào vào vườn. Hiện nay ông T và ông N đi nhờ qua đất của ba gia đình là Nguyễn Văn Ú, Cao Văn V, bà L1 hơn 100m mới ra đường công cộng.

Nhận thấy, hiện nay các thửa đất của ông T và ông T1 bị vây bọc bởi các bất động sản liền kề, không có đường đi ra đường công cộng. Đường đi ông T và ông T1 yêu cầu ông N mở là ngắn nhất và thuận tiện nhất nên yêu cầu khởi kiện của ông T và ông T1 là có căn cứ pháp luật.

Về vị trí mở lối đi, tuy án sơ thẩm tạo lối đi ở vị trí hướng Tây thửa 110 giáp với kênh công cộng đã san lấp chưa cấp quyền sử dụng đất cho ai nhưng phần đất này hiện do ông N sử dụng, làm hàng rào liền lạc với thửa 125 của ông N nếu mở đường đi ở vị trí này sẽ không thuận tiện cho ông N bảo vệ tài sản. Do đó cần phải mở đường đi ở vị trí hướng đông thửa 110 giáp với thửa 109 và 137.

Về chiều ngang diện tích lối đi, phía ông T và ông T1 yêu cầu là 1,5m, phía ông N không đồng ý. Nhận thấy, với chiều ngang 1,5m là lớn hơn so với đường đi công cộng giáp với kênh N nên Hội đồng xét xử phúc thẩm mở lối đi cho các

nguyên đơn chiều ngang là 1m là tương xứng với lối đi cộng cộng ở hướng bắc thửa 110.

Theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 03 tháng 4 năm 2023 thì phần diện tích mở lối đi cho ông T và ông T1 tại các vị trí có ký hiệu là D1, D2, tổng diện tích là 40,6m^2 của thửa 110.

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 31 tháng 3 năm 2023 và chứng thư định giá số 231403431/TGG ngày 21 tháng 4 năm 2023 của Công ty Cổ phần G thì trên phần đất mở lối đi mở lối đi có chiều ngang 1m ở phần đất có ký hiệu D1 và D2 cạnh hướng Đông giáp với thửa 109 và 137 thì trên đất có các tài sản như sau: Hàng rào, 01 cây mít loại D, 02 cây mít loại B1, 04 cây mít loại D, 01 cây mít loại C.

Theo chứng thư định giá số 231403431/TGG ngày 21 tháng 4 năm 2023 của Công ty Cổ phần G thì đơn giá quyền sử dụng đất trồng lúa là 356.000 đồng/m^2 (diện tích đất mở lối đi là 40,6m^2 x 356.000 đồng/m^2 = 14.453.000 đồng; Hàng rào 9.717.030 đồng, công di dời hàng rào 4.658.850 đồng; 05 cây mít loại D 2.845.000 đồng; 02 cây mít loại B1 3.712.000 đồng, 01 cây mít loại C 145.000 đồng. Tổng cộng: 35.530.880 đồng.

Từ những nhận định trên, xét thấy yêu cầu kháng cáo của ông N là không có căn cứ pháp luật nên không được chấp nhận, Hội đồng xét xử sửa một phần án sơ thẩm, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T và ông T1 như đã nhận định nêu trên. Do thửa đất 110 Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ ông N nên hộ ông N phải có trách nhiệm mở lối đi cho các nguyên đơn.

[5] Về chi phí tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm là 23.400.000 đồng, ông T và ông T1 đã đóng tạm ứng là 14.700.000 đồng, ông N đóng tạm ứng là 8.700.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T và ông T1 tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm. Do đó ông T và ông T1 phải có nghĩa vụ trả lại tiền tạm ứng chi phí tố tụng cho ông N là 8.700.000 đồng.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa là có căn cứ phù hợp với nhận định nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông T và ông N phải chịu là 1.776.544 đồng. Ông N phải chịu là 300.000 đồng.

Do sửa án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Không chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn là ông Lê Văn N.

- Sửa một phần Bản án sơ thẩm số: 235/2022/DSST ngày 11/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ Điều 254, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ các điều 171 và 203 của Luật đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Văn N2.

Buộc ông Lê Văn N và các thành viên trong hộ gồm bà Nguyễn Thị Bé H, chị Lê Thị Cẩm T2, anh Lê Văn H3 mở lối đi có diện tích 40,6 m^2 cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Văn T3 theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Công ty TNHH T4, cụ thể có ký hiệu D1 (20,4m^2), ký hiệu D2 (20,2m^2) thuộc thửa đất 110 tờ bản đồ số 7 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03759 do UBND huyện C cấp 04/6/2007 ngày 05/4/2019 hộ ông Lê Văn N. Phần đất có vị trí địa lý cụ thể như sau:

- Đông giáp thửa đất 109, 137.

- Tây giáp các thửa đất 110.

- Bắc giáp đường công cộng.

- Nam giáp thửa đất 127

Có sơ đồ kèm theo.

Buộc ông Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn T3 có nghĩa vụ liên đới đền bù cho ông Lê Văn N số tiền là 35.530.880 đồng.

2. Về chi phí tố tụng tại Tòa án cấp phúc phúc thẩm là 23.400.000 đồng, ông T và ông T3 tự nguyện chịu. Ông T và ông T3 đã nộp tạm ứng 14.700.000 đồng, ông N đã nộp tạm ứng là 8.700.000 đồng. Vậy ông T và ông N phải có nghĩa vụ trả lại cho ông N số tiền là 8.700.000 đồng.

3. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người bị thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Văn T3 phải chịu là 1.776.544 đồng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0005723 ngày 11 tháng 8 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy nên ông T và ông N còn phải nộp tiếp số tiền là 1.476.544 đồng.

Ông Lê Văn N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0016821 ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy tỉnh Tiền Giang nên xem như đã nộp xong.

Do sửa án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ái Đoan